

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 TÂY NINH

Bản án số: 13/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 16-01-2026

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phan Thị Mai Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Văn Vui;
- Ông Trần Hữu Thiện.

- **Thư ký phiên toà:** Ông Lê Hoàng Liêm - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 Tây Ninh tham gia phiên toà:** Ông Đặng Ngọc Giàu - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực A Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 340/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2025 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Võ Thị Kim D, sinh năm 1986; địa chỉ: Ấp R, xã T, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

2. **Bị đơn:** Anh Trần Tuấn L, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ A, ấp P, xã P, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 29-9-2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Võ Thị Kim D trình bày:

Chị và anh L chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do anh L không tôn trọng chị, từ đó dẫn đến vợ chồng không hoà hợp, bất đồng quan điểm sống trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, thường xuyên bất hoà. Vợ chồng đã ở riêng nhưng anh L không về nhà mà ở trọ bên ngoài gần 02 năm không về, hiện chị và anh L đã ly thân. Từ khi ly thân cho đến nay chị và anh L không ai có thiện chí hàn gắn vợ chồng, không quan tâm đến

cuộc sống hàng ngày của nhau. Nhận thấy tình cảm không còn nên xin được ly hôn với anh L.

Chị và anh L có 02 người con chung tên Trần Thị Thảo N, sinh ngày 01-8-2017 và Trần Võ Minh T, sinh ngày 06-10-2021. Hiện nay cháu T đang sống với chị, cháu N đang sống với anh L. Chị yêu cầu được nuôi 02 cháu, nếu anh L cũng muốn nuôi con thì chị giao cháu N cho anh L nuôi dưỡng, sau này nếu anh L không nuôi con không tốt thì chị yêu cầu thay đổi việc nuôi con. Chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Tuấn L trình bày:*

Anh thống nhất với chị L trình bày về quan hệ hôn nhân, về con chung, về tài sản chung và nợ chung. Anh và chị D qua một thời gian tìm hiểu thì tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, bắt đầu chung sống với nhau từ năm 2015 và có đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C vào năm 2017. Sau khi kết hôn anh và chị D cùng nhau sống bên gia đình chị D một thời gian, đến năm 2022 vợ chồng cùng nhau cất nhà ra ở riêng tại tổ B, ấp P, xã D, tỉnh Tây Ninh. Cách nay 5, 6 tháng chị D về bên nhà cha mẹ ruột chị D ở để thuận tiện đi làm. Khoảng 1, 2 tuần thì chị D thì về nhà một lần. Anh nghe người khác nói chị D đi làm có tình cảm bên ngoài, anh không chắc chắn, không biết có chính xác không, vì còn thường vợ nên anh không hỏi đến, từ trước đến giờ anh và chị D không có mâu thuẫn gì trầm trọng.

Anh và chị D có 02 con chung tên Trần Thị Thảo N, sinh ngày 01-8-2017 và Trần Võ Minh T, sinh ngày 06-10-2021. Cháu N hiện nay do anh chăm sóc và nuôi dưỡng. Cháu T hiện nay do chị D chăm sóc nuôi dưỡng. Các cháu cũng thường xuyên được đưa đón về nội ngoại chơi.

Nhận thấy anh và chị D còn tình cảm với nhau, nên yêu cầu cầu đoàn tụ để cùng nhau nuôi con. Trường hợp Tòa án cho anh ly hôn với chị D, anh yêu cầu được nuôi con chung tên Trần Thị Thảo N, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa anh yêu cầu nuôi cả hai con chung.

Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Tây Ninh.*

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014, Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị Kim D đối với anh Trần Tuấn L.

Về con chung: Giao con chung Trần Thị Thảo N, sinh ngày 01-8-2017 cho anh L trực tiếp trông nom nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục và giao cháu Trần Võ Minh T, sinh ngày 06-10-2021 cho chị D trực tiếp trông nom nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí: Đương sự chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Võ Thị Kim D khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Tuấn L. Anh L cư trú tại Tổ A, ấp P, xã P, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 Tây Ninh.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị Kim D:

Chị Võ Thị Kim D và anh Trần Tuấn L qua một thời gian tìm hiểu thì tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh vào ngày 13 tháng 01 năm 2017. Hôn nhân giữa chị D và anh L là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Chị D trình bày, mâu thuẫn vợ chồng chị là do anh L không tôn trọng chị, từ đó dẫn đến vợ chồng không hoà hợp, bất đồng quan điểm sống trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, thường xuyên bất hoà. Vợ chồng đã ở riêng nhưng anh L không về nhà mà ở trọ bên ngoài gần 02 năm không về, hiện chị và anh L đã ly thân. Từ khi ly thân cho đến nay chị và anh L không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh L1 trình bày, khoảng 5,6 tháng nay chị D về nhà cha mẹ ruột để thuận tiện đi làm, khoảng 1, 2 tuần chị D về nhà một lần, anh nghe người khác nói chị D có tình cảm bên ngoài nhưng không biết có đúng không nhưng do anh còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Trong quá trình chung sống, giữa chị D và anh L1 phát sinh nhiều mâu thuẫn. Theo trình bày của chị D vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng, quan tâm lẫn nhau; không có tiếng nói chung trong sinh hoạt gia đình; đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Hai bên đã sống ly thân trong thời gian dài, không còn chăm sóc, chia sẻ, thực hiện nghĩa vụ vợ chồng đối với nhau. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết yêu cầu ly hôn.

Anh L1 cho rằng vẫn còn tình cảm và không đồng ý ly hôn, tuy nhiên không đưa ra được biện pháp cụ thể nào để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn quan

hệ vợ chồng; thực tế các bên đã ly thân, không còn đời sống chung, không còn sự tin tưởng, gắn bó với nhau.

Mâu thuẫn giữa chị D và anh L1 đã kéo dài, không được khắc phục; đời sống chung của vợ chồng không còn tồn tại trên thực tế; mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc, vợ chồng yêu thương, tôn trọng, chăm sóc lẫn nhau không đạt được. Trong khoảng thời gian ly thân không ai có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng, việc hòa giải tại Tòa án không thành, thể hiện ý chí hôn nhân của các bên đã rạn nứt nghiêm trọng.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh L1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các bên.

[2.2] Về con chung:

Chị D và anh L1 có 02 con chung tên Trần Thị Thảo N, sinh ngày 01-8-2017 và Trần Võ Minh T, sinh ngày 06/10/2021. Hiện nay cháu N đang được anh L1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định; cháu T đang do chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các bên đương sự đều thừa nhận thực tế này. Các cháu đều được đảm bảo điều kiện sinh hoạt, học tập, phát triển bình thường, không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện người đang trực tiếp nuôi dưỡng các cháu không đủ điều kiện chăm sóc, giáo dục con.

Đối với cháu Trần Thị Thảo N, cháu đã trên 07 tuổi, có nhận thức nhất định, đang sinh sống ổn định cùng anh L1, việc tiếp tục giao cháu N cho anh L1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với điều kiện thực tế và đảm bảo sự ổn định về tâm lý, môi trường sống của cháu.

Đối với cháu Trần Võ Minh T, cháu còn nhỏ, hiện đang được chị D trực tiếp chăm sóc từ trước đến nay, việc giao cháu T cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với độ tuổi, nhu cầu chăm sóc của cháu và điều kiện thực tế của các bên.

Như vậy mỗi bên trực tiếp nuôi dưỡng một con chung như trên là phù hợp với nguyện vọng của các đương sự, điều kiện thực tế nuôi con, đồng thời đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các cháu. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Trần Thị Thảo N cho anh L1 trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Trần Võ Minh T cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.3] Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Võ Thị Kim D chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Võ Thị Kim D đối với anh Trần Tuấn L. Chị Võ Thị Kim D được ly hôn đối với anh Trần Tuấn L.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Thị Thảo N, sinh ngày 01-8-2017 cho anh Trần Tuấn L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao con chung tên Trần Võ Minh T, sinh ngày 06/10/2021 cho chị Võ Thị Kim D trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận không bên nào yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Chị D, anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Võ Thị Kim D chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị D đã nộp theo biên lai thu số 0005791 ngày 06-10-2025 của Thi hành án dân sự, tỉnh Tây Ninh. Chị D đã nộp đủ án phí.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày xét xử.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(ĐÃ KÝ)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 11 - Tây Ninh.
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- UBND xã Chà Là
- Đương sự;
- Lưu VT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Thị Mai Dung